TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14/2026/QĐST-KDTM	*Phú Thọ, ngày 03 tháng 9 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2025/TLST – KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2025;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A); Địa chỉ trụ sở chính: Số B, L, phường G, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh T – Chức vụ: Giám đốc A Chi nhánh H.

Người được ủy quyền lại: Ông Tuấn Minh T1 – Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng A - Chi nhánh H.

2. Bị đơn: Công ty TNHH V1; Địa chỉ: K, 5, Tổ dân phố số A (Phố Ngọc 2 cũ) phường H, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quyết T2, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ dân phố số A (Phố N cũ) phường H, tỉnh Phú Thọ – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Quyết T2, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ dân phố số A (Phố N cũ) phường H, tỉnh Phú Thọ.
- Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ dân phố số A (Phố N cũ) phường H, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3: Ông Nguyễn Quyết T2, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ dân phố số A (Phố N cũ) phường H, tỉnh Phú Thọ.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về khoản vay:

1.1. Công ty TNHH V1 phải thanh toán cho Ngân hàng N (A) tổng số tiền tính đến ngày 24/8/2026 là: 6.305.724.666 đồng (Trong đó: nợ gốc là 3.792.750.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 2.512.974.666 đồng; nợ lãi quá hạn: Không).

Kể từ ngày 25/8/2026, Công ty TNHH V1 tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng N (A) theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo các Hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 01/CVDA08/TT (3000LAV200800193) ngày 09/5/2008; Hợp đồng tín dụng số 3000-LAV-200900372 ngày 13/7/2009 và Hợp đồng tín dụng số 3000-LAV-200700021 ngày 05/12/2012 (Gồm các Giấy nhận nợ sau: Giấy nhận nợ ngày 26/4/2013; Giấy nhận nợ ngày 03/5/2013; Giấy nhận nợ ngày 04/5/2013; Giấy nhận nợ ngày 06/5/2013; Giấy nhận nợ ngày 07/5/2013; Giấy nhận nợ ngày 02/7/2013; Giấy nhận nợ ngày 05/7/2013; Giấy nhận nợ ngày 08/7/2013; Giấy nhận nợ ngày 12/11/2013; Giấy nhận nợ ngày 13/11/2013), ký kết giữa Ngân hàng A với Công ty TNHH V1 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

1.2. Trường hợp Công ty TNHH V1 không thanh toán đầy đủ số tiền cho Ngân hàng A, Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm như sau:

Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 97, tờ bản đồ số 43, diện tích 65,0m^2 tại Phố N, xã T, TP H, tỉnh Hòa Bình (Nay là phường H, tỉnh Phú Thọ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B0 255262; Số vào sổ cấp GCN: CH 00605 do UBND thành phố H (nay là UBND phường H) cấp ngày 22/4/2013, mang tên bà Nguyễn Thị T3. (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 01/TC-TTH2013 ngày 28/5/2013 ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh H với ông Nguyễn Quyết T2 và bà Nguyễn Thị Thu)

Trường hợp sau khi kê biên, phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH V1 để tiếp tục thu hồi nợ.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH V1 tự nguyện chịu số tiền 57.152.863đ (*Năm mươi bảy triệu một trăm năm mươi hai nghìn tám trăm sáu ba đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng N (A) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng N (A) số tiền 58.000.000đ (*Năm mươi tám triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006793 ngày 16/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn - Công ty TNHH V1 tự nguyện chịu tiền chi phí tố tụng, Công ty TNHH V1 phải trả lại cho Ngân hàng A 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền chi phí tố tụng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 12 – Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THADS Tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Quỳnh Anh